ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 370 /KH-UBND	*Ninh Bình, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Khuyến nông tỉnh Ninh Bình năm 2027

Thực hiện Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch khuyến nông tỉnh năm 2027, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Khuyến nông tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030, phát huy vai trò định hướng, thông tin tuyên truyền, hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong sản xuất nông nghiệp theo nhu cầu thực tiễn của các địa phương.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp tại các địa phương trong tỉnh.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, sinh thái, tuần hoàn, thông minh, bền vững theo chuỗi giá trị, gắn với chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo, tập huấn và thông tin truyền thông

+ Tổ chức 60 lớp tập huấn tư vấn khuyến nông và 05 lớp tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông cho đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao.

+ In ấn và phát hành 20.000 tờ rơi và 36 tin bài về các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân dễ dàng tiếp cận, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

+ Tổ chức 02 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm và 10 hội nghị tuyên truyền khuyến nông nhằm đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách và tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp, kỹ năng, kinh nghiệm trong hoạt động khuyến nông tới cán bộ khuyến nông và các cá nhân tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp.

+ Tham gia 08 hội chợ, triển lãm quảng bá, tiêu thụ nông sản; tổ chức 03 hội nghị giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP cho doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT) sản xuất, kinh doanh tại ba miền Bắc, Trung, Nam.

- Xây dựng mô hình chuyển giao kỹ thuật: Tổ chức xây dựng và triển khai 32 mô hình khuyến nông chuyển giao kỹ thuật (sau đây gọi chung là mô hình)

về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản,… trong đó tập trung vào các hình thức sản xuất mới, đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực, chất lượng cao, đặc sản, cây dược liệu,… có lợi thế cạnh tranh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh; ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nông nghiệp đa giá trị, các mô hình liên kết theo chuỗi, mô hình tuần hoàn, giảm phát thải.

II. NỘI DUNG

1. Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên

1.1. Đào tạo tập huấn

1.1.1. Tập huấn tư vấn khuyến nông

- Mục tiêu: Nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực cho học viên về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Đối tượng tham gia: Nông dân trên địa bàn tỉnh.

- Quy mô: 60 lớp.

- Số người tham gia: Khoảng 2.700 lượt người.

- Thời gian tổ chức: 01 ngày/lớp.

- Địa điểm tổ chức: Trên địa bàn tỉnh.

1.1.2. Tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực cho học viên về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp khuyến nông; giúp học viên vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng vào tổ chức và triển khai hoạt động khuyến nông, đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác khuyến nông theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, gắn với chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Đối tượng tham gia: Cán bộ khuyến nông trên địa bàn toàn tỉnh.

- Quy mô: 05 lớp.

- Số người tham gia: Khoảng 200 người.

- Thời gian tổ chức: 03 ngày/lớp.

- Địa điểm tổ chức: Trên địa bàn tỉnh.

1.2. Thông tin truyền thông

1.2.1. Thông tin tuyên truyền

- Mục tiêu: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến kịp thời các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân dễ dàng tiếp cận, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Quy mô: 20.000 tờ rơi và 36 tin bài.

- Đối tượng: Người dân trên địa bàn tỉnh.

- Địa điểm tổ chức: Trên địa bàn tỉnh.

1.2.2. Đoàn học tập kinh nghiệm

- Mục tiêu: Học tập kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất các mô hình có giá trị kinh tế cao của một số địa phương, từ đó lựa chọn, ứng dụng phát triển phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Quy mô: 02 đoàn.

- Số lượng người tham gia: 60 người (30 người/đoàn).

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, hợp tác xã, nông dân.

- Địa điểm tổ chức: Ngoài tỉnh.

1.2.3. Hội nghị tuyên truyền công tác khuyến nông

- Mục tiêu: Tuyên truyền chủ trương, chính sách và các tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; thúc đẩy áp dụng cơ giới hóa, chuyển đổi số, nông nghiệp hữu cơ, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển nông nghiệp hàng hóa bền vững.

- Quy mô: 10 hội nghị.

- Số lượng người tham gia: 100 người/ hội nghị.

- Đối tượng: Đơn vị quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh, cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, nông dân trong tỉnh.

- Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh.

1.2.4. Tham gia hội chợ, triển lãm quảng bá, tiêu thụ nông sản

- Mục tiêu: Quảng bá sản phẩm nông sản, sản phẩm OCOP Ninh Bình; kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã với người tiêu dùng, nhà phân phối, mở rộng thị trường và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

- Quy mô: 08 hội chợ.

- Đối tượng: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Địa điểm tổ chức: Tại các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên,…

1.2.5. Tổ chức hội nghị giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP cho doanh nghiệp, HTX, THT sản xuất, kinh doanh tại ba miền Bắc, Trung, Nam

- Mục tiêu: Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh nông sản với các nhà phân phối, doanh nghiệp và đối tác tiêu thụ; trao đổi thông tin thị trường, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường và thúc đẩy tiêu thụ nông sản Ninh Bình.

- Quy mô: 03 hội nghị.

- Đối tượng: Cán bộ khuyến nông và các đơn vị có liên quan.

- Địa điểm tổ chức: Trong nước.

2. Nhiệm vụ khuyến nông chuyển giao kỹ thuật

2.1. Xây dựng mô hình khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt

Xây dựng 10 mô hình cụ thể như sau:

- Mục đích: Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng đồng bộ cơ giới hoá, công nghệ cao trong sản xuất các đối tượng cây trồng như rau củ, hoa, nấm, cây dược liệu,… nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm và phát triển sản xuất bền vững.

- Dự kiến triển khai mô hình: Mô hình sản xuất lúa chất lượng ứng dụng cơ giới đồng bộ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình sản xuất địa liền tập trung phục vụ chế biến dược liệu; mô hình thâm canh giống hoa lay ơn mới phục vụ du lịch trải nghiệm; mô hình trồng trạch tả phục vụ chế biến dược liệu; mô hình thâm canh lạc giống mới L32 gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình ghép cải tạo bưởi sang cam canh, quýt úc cho hiệu quả kinh tế cao; mô hình trồng sen Quan Âm trắng thu ngó gắn với du lịch trải nghiệm; mô hình trồng húng quế phục vụ chiết xuất tinh dầu; mô hình trồng hoa cúc (cúc cổ trà) dược liệu làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm OCOP; mô hình sản xuất nấm đùi gà gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Xây dựng mô hình khuyến nông lĩnh vực chăn nuôi

Xây dựng 11 mô hình, cụ thể như sau:

- Mục đích: Đưa các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong chăn nuôi, phát triển mở rộng quy mô các đối tượng con nuôi đặc sản, có giá trị kinh tế cao, gắn với phát triển du lịch góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hạn chế dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

- Dự kiến triển khai mô hình: Mô hình chăn nuôi dê thương phẩm an toàn sinh học gắn với du lịch trải nghiệm; mô hình chăn nuôi cầy vòi hương sinh sản góp phần phát triển con nuôi đặc sản của tỉnh; mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung phục vụ du lịch và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường; mô hình chăn nuôi chim bồ câu giống mới theo hướng tuần hoàn; mô hình chăn nuôi dúi sinh sản an toàn sinh học; mô hình bổ sung thảo dược trong chăn nuôi gà thương phẩm và xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn; mô hình chăn nuôi vịt biển thương phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm VietGAHP; mô hình chăn nuôi ong gắn với tiêu thụ sản phẩm; mô hình bổ sung chế phẩm sinh học nhằm nâng cao khả năng tiêu hoá trong chăn nuôi ngan thương phẩm; mô hình chăn nuôi lợn rừng lai thương phẩm an toàn sinh học.

2.3. Xây dựng mô hình khuyến nông lĩnh vực thủy sản

Xây dựng 11 mô hình, cụ thể như sau:

- Mục đích: Thông qua các mô hình nuôi thử nghiệm các đối tượng con nuôi mới, các hình thức nuôi trồng thuỷ sản ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, từ đó đánh giá được khả năng thích nghi, hiệu quả kinh tế và tính bền vững của các loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế cao. Đồng thời góp phần chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

mới, nâng cao trình độ sản xuất cho người dân, dần hình thành vùng nuôi tập trung theo hướng hàng hóa, gắn với tiêu thụ sản phẩm. Qua đó, nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế cho người dân vùng ven biển, thúc đẩy phát triển ngành thủy sản Ninh Bình theo hướng hiệu quả và bền vững.

- Dự kiến triển khai mô hình: Mô hình nuôi cá trắm giòn trong lồng bè góp phần tạo sinh kế cho người dân khu vực ven sông; mô hình nuôi baba gai thương phẩm phục vụ xây dựng vùng sản xuất con nuôi đặc sản; mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học trong nuôi thương phẩm cá song thâm canh góp phần tạo sinh kế cho người dân vùng ven biển; mô hình nuôi cá vược trong ao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình nuôi thâm canh ếch thương phẩm trong lồng lưới gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình nuôi lươn thương phẩm không bùn sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường nước; mô hình nuôi cá trắm đen áp dụng một phần phương pháp sông trong ao; mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh kết hợp một phần nhà lưới ứng phó với biến đổi khí hậu; mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng chế phẩm sinh học kết hợp với nano bạc để xử lý môi trường ao nuôi; mô hình nuôi cua biển thương phẩm sử dụng chế phẩm sinh học góp phần phát triển vùng sản xuất con nuôi đặc sản; mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao sử dụng chế phẩm sinh học.

3. Nhiệm vụ khuyến nông đột xuất

Phòng chống và khắc phục hậu quả do thiên tai, dịch bệnh, dịch hại, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đột xuất khác phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, ngành, địa phương và nhu cầu sản xuất do các đơn vị cấp trên giao (nếu có).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Năm 2027.

2. Tiến độ: Đảm bảo yêu cầu theo từng nhiệm vụ được phê duyệt.

IV. NGUỒN VỐN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến kinh phí: **32.035.674.300 đồng** (Ba mươi hai tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm đồng).

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh): 15.533.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng (chuyển giao kỹ thuật mô hình): 16.502.674.300 đồng.

2. Nguồn vốn

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh; vốn đối ứng của các cá nhân, tổ chức tham gia chương trình khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tổ chức, hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả, đúng mục tiêu đề ra; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả và quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch, đảm bảo đúng mục tiêu, định mức, đối tượng và theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản có liên quan

- Thường xuyên theo dõi, rà soát các cơ chế, chính sách, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, ban hành cho phù hợp với điều kiện thực tế và nâng cao hiệu quả trong hoạt động khuyến nông tỉnh.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần thiết có sự thay đổi về nội dung Kế hoạch *(quy mô, địa điểm hoặc chuyển đổi mô hình, điều chuyển tăng giảm kinh phí thực hiện từ mô hình này sang mô hình khác,…),* Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị; căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh và Chương trình, Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

3. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động, nhiệm vụ có liên quan trong Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện và hoàn thành các hoạt động, nhiệm vụ trong Kế hoạch trên địa bàn quản lý theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời thông tin về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- UBND các xã/phường:
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, VP3.

Q_V3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG TỈNH NINH BÌNH NĂM 2027

TT	Nội dung	Địa điểm dự kiến	Nội dung hỗ trợ	Quy mô	Kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số (I+II+III)				**15.533**	
I	**Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên**				**3.360**	
1	***Đào tạo tập huấn***				***1.350***	
1.1	Tập huấn tư vấn khuyến nông	Trên địa bàn tỉnh	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	60 lớp	1.023	Theo tiểu mục 1.2, mục 1, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm c, khoản 1, Điều 4 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
1.2	Tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông	Trên địa bàn tỉnh	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	05 lớp	327	Theo tiểu mục 1.1, mục 1, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm b, khoản 1, Điều 4 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
2	***Thông tin truyền thông***				***2.010***	
2.1	Thông tin tuyên truyền	Trên địa bàn tỉnh	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	20.000 tờ rơi, 36 tin bài	150	Theo tiểu mục 2.1, mục 2, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm b, d, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP

2.2	Đoàn học tập kinh nghiệm	Ngoài địa bàn tỉnh	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	02 đoàn	285	Theo tiểu mục 2.2, mục 2, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm c, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
2.3	Hội nghị tuyên truyền công tác khuyến nông	Trên địa bàn tỉnh	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	10 hội nghị	575	Theo tiểu mục 2.2, mục 2, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm c, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
2.4	Tham gia hội chợ, triển lãm quảng bá, tiêu thụ nông sản	Các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên…	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	08 hội chợ	800	Theo mục 4, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm c, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
2.5	Tổ chức hội nghị giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP cho doanh nghiệp, HTX, THT sản xuất, kinh doanh tại ba miền Bắc, Trung, Nam	Trong nước	Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai	03 hội nghị	200	Theo mục 4, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm c, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
II	**Nhiệm vụ khuyến nông chuyển giao kỹ thuật (1 + 2 + 3)**				**12.173**	
1	***Xây dựng mô hình khuyến nông lĩnh vực Trồng trọt***				***3.578***	
1.1	Mô hình sản xuất lúa chất lượng ứng dụng cơ giới đồng bộ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xã Nghĩa Hưng	Hỗ trợ 47,08% tổng kinh phí (trong đó: 44,79% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	35 ha	450	Theo mục 3, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm b, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP

1.2	Mô hình sản xuất địa liền tập trung phục vụ chế biến dược liệu	Xã Nho Quan	Hỗ trợ 49,70% tổng kinh phí (trong đó: 47,13% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	03 ha	400	
1.3	Mô hình thâm canh giống hoa lay ơn mới phục vụ du lịch trải nghiệm	Phường Thiên Trường	Hỗ trợ 49,73% tổng kinh phí (trong đó: 47,32% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	01 ha	350	
1.4	Mô hình trồng trạch tả phục vụ chế biến dược liệu	Xã Khánh Trung	Hỗ trợ 49,87% tổng kinh phí (trong đó: 46,84% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	08 ha	300	
1.5	Mô hình thâm canh lạc giống mới L32 gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xã Yên Cường	Hỗ trợ 48,81% tổng kinh phí (trong đó: 47,32% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	20 ha	428	
1.6	Mô hình ghép cải tạo bưởi sang cam canh, quýt úc cho hiệu quả kinh tế cao	Phường Duy Tân, xã Bình Lục	Hỗ trợ 49,20% tổng kinh phí (trong đó: 44,55% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	06 ha	184	
1.7	Mô hình trồng sen Quan Âm trắng thu ngó gắn với du lịch trải nghiệm	Xã Bình Lục	Hỗ trợ 48,67% tổng kinh phí (trong đó: 46,29% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	06 ha	335	

1.8	Mô hình trồng húng quế phục vụ chiết xuất tinh dầu	Phường Duy Tân	Hỗ trợ 48,78% tổng kinh phí (trong đó: 46,58% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	22 ha	441	
1.9	Mô hình trồng hoa cúc (cúc cổ trà) dược liệu làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm OCOP	Xã Thanh Lâm	Hỗ trợ 49,86% tổng kinh phí (trong đó: 47,41% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	02 ha	300	
1.10	Mô hình sản xuất nấm đùi gà gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xã Giao Hòa, xã Hải Tiến	Hỗ trợ 50% tổng kinh phí (trong đó: 47,12% giống và vật tư; 100% kinh phí triển khai)	50 tấn nguyên liệu	390	
2	***Xây dựng mô hình khuyến nông lĩnh vực Chăn nuôi***				***3.700***	
2.1	Mô hình chăn nuôi dê thương phẩm an toàn sinh học gắn với du lịch trải nghiệm	Phường Lý Thường Kiệt	Hỗ trợ 47,48% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống, 50% thức ăn; 100% kinh phí triển khai)	200 con	420	Theo mục 3, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm b, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
2.2	Mô hình chăn nuôi cầy vòi hương sinh sản góp phần phát triển con nuôi đặc sản của tỉnh	Xã Gia Viễn	Hỗ trợ 35,28% tổng kinh phí (trong đó: 40% giống, 100% kinh phí triển khai)	60 con	400	
2.3	Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung phục vụ du lịch và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường	Phường Tây Hoa Lư	Hỗ trợ 37,44% tổng kinh phí (trong đó: 40% giống, 100% kinh phí triển khai)	35 con	450	

2.4	Mô hình chăn nuôi chim bồ câu giống mới theo hướng tuần hoàn	Xã Yên Mạc	Hỗ trợ 49,88% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống, 50% thức ăn, vật tư; 100% kinh phí triển khai)	2.000 con	364	
2.5	Mô hình chăn nuôi dúi sinh sản an toàn sinh học	Xã Yên Đồng	Hỗ trợ 47,43% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống; 100% kinh phí triển khai)	300 con	345	
2.6	Mô hình bổ sung thảo dược trong chăn nuôi gà thương phẩm và xử lý chất thải theo hướng kinh tế tuần hoàn	Xã Trần Thương	Hỗ trợ 47,70% tổng kinh phí (trong đó: 50% giống, 46% thức ăn, 50% vật tư; 100% kinh phí triển khai)	5.000 con	320	
2.7	Mô hình chăn nuôi vịt biển thương phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu	Xã Giao Hưng	Hỗ trợ 48,70% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống, 45% thức ăn, 50% vật tư; 100% kinh phí triển khai)	2.000 con	162	
2.8	Mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm VietGAHP	Xã Yên Từ	Hỗ trợ 48,67% tổng kinh phí (trong đó: 48% thức ăn, 50% vật tư; 100% kinh phí triển khai và kinh phí chứng nhận VietGAHP)	3.000 con	360	
2.9	Mô hình chăn nuôi ong gắn với tiêu thụ sản phẩm	Xã Bình Minh	Hỗ trợ 35,13% tổng kinh phí (trong đó: 47% giống; 100% kinh phí triển khai)	400 đàn	285	

2.10	Mô hình bổ sung chế phẩm sinh học nhằm nâng cao khả năng tiêu hoá trong chăn nuôi ngan thương phẩm	Xã Gia Phong	Hỗ trợ 49,37% tổng kinh phí (trong đó: 50% giống, 45% thức ăn, 50% vật tư; 100% kinh phí triển khai)	2.000 con	172	
2.11	Mô hình chăn nuôi lợn rừng lai thương phẩm an toàn sinh học	Xã Phú Long	Hỗ trợ 49,05% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống, 50% thức ăn; 100% kinh phí triển khai)	180 con	422	
3	***Xây dựng mô hình khuyến nông lĩnh vực Thủy sản***				***4.895***	
3.1	Mô hình nuôi cá trắm giòn trong lồng bè góp phần tạo sinh kế cho người dân khu vực ven sông	Xã Ninh Cường	Hỗ trợ 24,64% tổng kinh phí (trong đó: 30,5% giống và 100% kinh phí triển khai)	1.000 m^3	450	Theo mục 3, phần III Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 và điểm b, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP
3.2	Mô hình nuôi baba gai thương phẩm phục vụ xây dựng vùng sản xuất con nuôi đặc sản	Xã Vũ Dương	Hỗ trợ 46,54% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống, 45% thức ăn và 100% kinh phí triển khai)	1.200 m^2	450	
3.3	Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học trong nuôi thương phẩm cá song thâm canh góp phần tạo sinh kế cho người dân vùng ven biển	Xã Hải Quang	Hỗ trợ 46,42% tổng kinh phí (trong đó: 45% giống, 45% thức ăn, 40% chế phẩm sinh học và 100% kinh phí triển khai)	01 ha	445	
3.4	Mô hình nuôi cá vược trong ao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xã Giao Minh	Hỗ trợ 49,42% tổng kinh phí (trong đó: 47% giống, 48% thức ăn và 100%	1,1 ha	435	

			kinh phí triển khai)			
3.5	Mô hình nuôi thâm canh ếch thương phẩm trong lồng lưới gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xã Khánh Nhạc, xã Yên Mạc	Hỗ trợ 49,64% tổng kinh phí (trong đó: 50% giống, 47% thức ăn và 100% kinh phí triển khai)	1.150 m^3	447	
3.6	Mô hình nuôi lươn thương phẩm không bùn sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường nước	Xã Hải Tiến	Hỗ trợ 20,09% tổng kinh phí (trong đó: 55% giống, 30% chế phẩm sinh học và 100% kinh phí triển khai)	1.000 m^2	450	
3.7	Mô hình nuôi cá trắm đen áp dụng một phần phương pháp sông trong ao	Phường Duy Tiên	Hỗ trợ 35,04% tổng kinh phí (trong đó: 39% giống, 31% thức ăn, 20% chế phẩm sinh học và 100% kinh phí triển khai)	01 ha	450	
3.8	Mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh kết hợp một phần nhà lưới ứng phó với biến đổi khí hậu	Xã Quỳnh Lưu	Hỗ trợ 47,55% tổng kinh phí (trong đó: 47% giống, 46% thức ăn và 100% kinh phí triển khai)	1,3 ha	438	
3.9	Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng chế phẩm sinh học kết hợp với nano bạc để xử lý môi trường ao nuôi	Xã Kim Đông, xã Bình Minh	Hỗ trợ 39,53% tổng kinh phí (trong đó: 49% giống, 35% thức ăn, 35% chế phẩm sinh học, 35% Nano bạc và 100% kinh phí triển khai)	01 ha	450	

3.10	Mô hình nuôi cua biển thương phẩm sử dụng chế phẩm sinh học góp phần phát triển vùng sản xuất con nuôi đặc sản	Xã Kim Đông	Hỗ trợ 47,70% tổng kinh phí (trong đó: 47% giống, 46% thức ăn, 45% chế phẩm sinh học và 100% kinh phí triển khai)	2,5 ha	435	
3.11	Mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao sử dụng chế phẩm sinh học	Xã Đại Hoàng	Hỗ trợ 48,55% tổng kinh phí (trong đó: 49% giống, 45% thức ăn, 45% chế phẩm sinh học và 100% kinh phí triển khai)	1,4 ha	445	
III	**Nhiệm vụ khuyến nông đột xuất**	Trên địa bàn tỉnh				Theo điểm c, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 268/2026/NĐ-CP